

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS - PT

Ngày 28 - 02 - 2020

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi lại
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 39/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT ngày 17/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 08/2020/QĐ-PT ngày 13/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn M và bà Vũ Thị D.

Địa chỉ: Thôn L 1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn M: Bà Vũ Thị D - Địa chỉ: Thôn L 1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn T và anh Đặng Văn T1.

Địa chỉ: Thôn L 1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt không có lý do (lần 2).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Vũ Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2019 và các lời khai, nguyên đơn ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D trình bày:

Gia đình ông, bà có thửa đất số 56 tờ bản đồ P9-4 có diện tích 2.530m² mục đích sử dụng đất vườn, được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M. Nguồn gốc đất là do gia đình ông, bà khai phá. Năm 2000 gia đình ông, bà cho gia đình ông Phạm Văn B ở cùng thôn mượn để canh tác. Năm 2005, ông B đã bán diện tích đất vườn của gia đình ông, bà cho ông Đặng Văn T. Bà Vũ Thị D đã gặp và nói cho ông T biết diện tích đất vườn này là của gia đình bà cho ông B mượn nhưng gia đình ông Đặng Văn T không nghe mà vẫn mua nên bà đã làm đơn đề nghị chính quyền xã. UBND xã T đã hòa giải nhiều lần nhưng bà không đồng ý với kết quả mà UBND xã giải quyết. Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc ông Đặng Văn T, anh Đặng Văn T1 phải trả lại cho gia đình ông, bà 1.814m² đất, nằm trong thửa đất số 56, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đặng Văn T và anh Đặng Văn T1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do gia đình ông Phạm Văn B nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn P. Năm 2005 ông Phạm Văn B chuyển nhượng lại cho gia đình ông; việc mua bán chuyển nhượng giữa gia đình ông và ông B chỉ viết tay không làm thủ tục mua bán theo quy định của pháp luật, gia đình ông vẫn sử dụng ổn định từ đó đến nay. Tháng 11/2018 ông M, bà D cho rằng đất đó là của ông M, bà D nên hai bên xảy ra tranh chấp. Việc tranh chấp đã được UBND xã T, huyện B giải quyết. Kết quả xem xét thẩm định thực địa do UBND xã T xác định diện tích đất tranh chấp là thửa đất số 26, 27, 28 và một phần thửa số 57 được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Vũ Văn P, không phải đất của ông M, bà D. Nay ông M, bà D yêu cầu gia đình ông phải trả lại 1.814m² đất, nằm trong thửa đất số 56 được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M thì ông T, anh T1 không nhất trí.

Bản án số 07/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 166 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D: Buộc ông Đặng Văn T, anh Đặng Văn T1 phải trả lại cho ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D diện tích 40,5m² đất, tại thửa 56, tờ bản đồ số P9-4, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M, tại Thôn L 1, xã T, huyện B, có kích thước: Phía Tây Bắc giáp ngã ba suối có cạnh kích thước giáp bờ suối là 11,5m; Phía Tây (là ao) có cạnh kích thước 9,1m; Phía Đông (là ao) có cạnh kích thước 9,5m (Tạo thành hình tam giác, có sơ đồ kèm theo).

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D đối với diện tích 1.773,5m² đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định tại chỗ, về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/11/2019 bà Vũ Thị D kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Đặng Văn T và anh Đặng Văn T1 phải trả cho ông bà toàn bộ diện tích đất 1.814m².

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Vũ Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đặng Văn T và anh Đặng Văn T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 30/10/1996 ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ, trong đó có thửa đất số 56 tờ bản đồ P9-4 có diện tích 2.530m² mục đích sử dụng đất vườn nhà, mang tên ông Vũ Văn M. Năm 2000 gia đình ông M, bà D có cho gia đình ông Phạm Văn B ở cùng thôn mượn để canh tác. Năm 2005 ông Phạm Văn B đã tự ý bán một phần diện tích đất vườn của gia đình bà cho mượn cho ông Đặng Văn T và con trai ông T là anh Đặng Văn T1, bà D đã thông báo cho ông T biết diện tích đất vườn ông Đặng Văn T mua là đất của gia đình ông, bà nhưng ông T vẫn mua và sử dụng nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn T, anh Đặng Văn T1 phải trả lại cho gia đình ông bà 1.814m² đất, nằm trong thửa đất số 56, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M. Ông T và anh T1 thừa nhận năm 2005 có mua đất của ông B nhưng không phải đất của ông M, bà D mà nguồn gốc đất là của ông Vũ Văn P vì vậy ông T và anh T1 không nhất trí trả đất cho ông M và bà D.

Tòa án nhân dân huyện B đã xét xử và buộc ông Đặng Văn T và anh Đặng Văn T1 phải trả cho ông Vũ Văn M và bà Vũ Thị D diện tích 40,50m² đất thuộc thửa đất số 56 tờ bản đồ P9-4 có các tứ cận theo sơ đồ thẩm định của Tòa án nhân dân huyện B.

[3] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn M và bà Vũ Thị D:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Vũ Văn M và bà Vũ Thị D đều khẳng định thửa đất tranh chấp với gia đình ông T và anh T1 thuộc thửa 56 tờ bản đồ P9-4 đã được UBND huyện B cấp cho gia đình ông bà và đề nghị Tòa án tiến hành thẩm định. Vì vậy Tòa án huyện B đã tiến hành thẩm định theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 12/7/2019, của Tòa án nhân dân huyện B đã xác định diện tích đất tranh chấp là 1.732,2m² do ông Đặng Văn T và anh Đặng Văn T1 đang quản lý, sử dụng nằm trong các thửa số 57 có diện tích 289m², đất đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 19/10/2007 mang tên ông Bàn Văn T (nhận chuyển nhượng của ông Bàn Văn S vào ngày 16/5/2019); thửa số 28 có diện tích 413,2m², đất đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 16/11/1996 mang tên ông Vũ Văn P; thửa số 55, có diện tích 180,3m², đất đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 16/11/1996 mang tên ông Phạm Văn B; thửa số 131, có diện tích 821,4m², đất chưa được cấp GCNQSDĐ, gia đình ông Đặng Văn T sử dụng từ năm 2005 do nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn B và thửa số 56, có diện tích 28m², đất đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M.

Bà Vũ Thị D không đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2019 nên bà đã làm đơn đề nghị Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai thẩm định lại phần diện tích thửa số 56 của gia đình bà. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 28/8/2019 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai tiến hành đã xác định: Trong diện tích đất tranh chấp có 40,5m² đất nằm trong thửa số 56 tờ bản đồ P9-4 được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M. Các phần đất tranh chấp khác không nằm trong thửa số 56.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập, kết quả thẩm định, bản án sơ thẩm xác định ông Đặng Văn T và anh Đặng Văn T1 đã lấn chiếm và sử dụng diện tích 40,5m² đất (ao) thuộc thửa số 56 tờ bản đồ P9-4 được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M. Vì vậy cấp sơ thẩm xử buộc ông Đặng Văn T và anh Đặng Tiến Trường phải trả lại cho ông Vũ Văn M và bà Vũ Thị D 40,50m² đất thuộc thửa số 56 tờ bản đồ P9-4 được UBND huyện Bảo Thắng cấp GCNQSDĐ mang tên ông Vũ Văn M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà Vũ Thị D kháng cáo cho rằng toàn bộ diện tích 1.814m² đất tranh chấp giữa gia đình ông, bà với ông T, anh T1 đều thuộc thửa số 56 tờ bản đồ P9-4 chứ không phải chỉ có 40,5m² như kết quả thẩm định của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai nhưng bà Vũ Thị D không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh toàn bộ diện tích đất tranh chấp với ông Đặng

Văn T và anh Đặng Văn T1 thuộc thửa số 56 tờ bản đồ P9-4 đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông bà.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Vũ Thị D là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vũ Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 166 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D: Buộc ông Đặng Văn T, anh Đặng Văn T1 phải trả lại cho ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D diện tích 40,5m² đất, tại thửa 56, tờ bản đồ số P9-4, đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/1996 mang tên ông Vũ Văn M, tại Thôn L 1, xã T, huyện B, có kích thước: Phía Tây Bắc giáp ngã ba suối có cạnh kích thước giáp bờ suối là 11,5m; Phía Tây (là ao) có cạnh kích thước 9,1m; Phía Đông (là ao) có cạnh kích thước 9,5m (Tạo thành hình tam giác, theo sơ đồ thẩm định ngày 28/8/2019).

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D đối với diện tích 1.773,5m² đất.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D phải chịu 6.075.000 đồng tiền chi phí tố tụng; Ông Đặng Văn T và anh Đặng Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D 6.075.000 đồng tiền chi phí tố tụng, phần của mỗi người 3.037.500 đồng. Xác nhận ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn T, anh Đặng Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị D 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai số AC/2012/0000041 ngày 21/5/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số AB/2012/0009746 ngày 20/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Quán